TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa Ân.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị B, sinh năm 1991; HKTT: Số 94/8/11 đường 13/3, khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thành N, sinh năm 1989; HKTT: Số 145/10 đường Lê Hồng Phong, khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24/4/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà B) trình bày:*

Bà B và ông N chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương ngày 27/02/2012.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Bà B và ông N không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, bà B làm đơn xin ly hôn với ông N.

- Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Thành T, sinh ngày 09/10/2012. Bà B yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà B không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Phạm Thành N biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do*.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị B khởi kiện ông Phạm Thành N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông N có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng ông N theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn (bà B)

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông N chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương ngày 27/02/2012. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà B cho rằng bà và ông N thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm,

không có hạnh phúc. Bà và ông N không còn chung sống với nhau từ tháng cuối năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, bà B làm đơn xin ly hôn với ông N. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà B thì Tòa án đã tiến hành triệu tập ông N nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông N không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà B và ông N không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà B và ông N có 01 con chung tên Phạm Thành T, sinh ngày 09/10/2012. Bà B yêu cầu nuôi con chung và hiện nay con chung đang sống chung với bà B. Tòa án có tham khảo ý kiến của cháu T thì nguyện vọng của cháu là được sống với bà B. Do đó để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu T nên giao cháu T cho bà B chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bé phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B đối với ông Phạm Thành N về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị B được ly hôn với ông Phạm Thành N.

2. Về con chung: Giao cho bà Đinh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thành T, sinh ngày 09/10/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Đinh Thị B chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011674 ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh